

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC VỀ THẨM QUYỀN HỦY BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Trần Thị Liên*
Nguyễn Mạnh Cường**

Tóm tắt: Giám đốc thẩm là hình thức giám sát xét xử đặc biệt của Tòa án, có nhiệm vụ phát hiện và hủy bỏ các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nếu có căn cứ cho rằng bản án, quyết định đó vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Bài viết phân tích thẩm quyền hủy bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Hội đồng giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: Giám đốc thẩm; xét lại bản án, quyết định; hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Abstract: Cassation is a special form of judicial supervision exercised by the courts, tasked with identifying and quashing final, legally effective judgments or decisions where there are grounds to believe that a serious error of law has occurred. This article analyses the authority of the Cassation Panel to annul such judgments and decisions under Viet Nam's criminal procedure law and offers recommendations to improve the governing legal framework.

Keywords: Cassation; review of judgments and decisions; annulment of final, legally effective judgments and decisions.

Đặt vấn đề

Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm là quá trình Tòa án giám đốc thẩm xem xét tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định đó, nhằm khắc phục những sai sót trong quá trình xét xử của Tòa án cấp dưới. Đây là một công cụ quan trọng giúp đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Trong quá trình này, Hội đồng giám đốc thẩm có quyền hủy bỏ các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng, từ đó bảo đảm tính công bằng và

minh bạch trong hệ thống tư pháp. Tuy nhiên, quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 và thực tiễn thi hành hiện nay vẫn tồn tại một số bất cập liên quan đến thẩm quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng giám đốc thẩm. Những hạn chế này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác xét lại tại cấp giám đốc thẩm, làm dấy lên những lo ngại về việc giải quyết triệt để các sai sót trong quá trình tố tụng. Theo đó, khi nghiên cứu về thẩm quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng giám đốc thẩm xuất hiện một số vướng mắc sau:

1. Vướng mắc về thẩm quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại

* TS., Trường Đại học Luật Hà Nội.

** CN., Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, việc hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại dựa trên căn cứ rằng bản án, quyết định đó bị kháng nghị do phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, đồng thời việc điều tra lại có khả năng khắc phục được các vi phạm này. Theo quy định tại Điều 371 BLTTHS năm 2015, việc kháng nghị giám đốc thẩm dựa trên một số căn cứ cụ thể. Tuy nhiên, không phải căn cứ nào trong Điều 371 cũng phù hợp để làm cơ sở hủy bản án, quyết định nhằm phục vụ điều tra lại. Trong các căn cứ tại Điều 371, căn cứ “kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án” chỉ phản ánh những vi phạm xảy ra trong giai đoạn xét xử¹. Điều này không trực tiếp đề cập đến các sai sót trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố, mà chỉ liên quan đến việc đánh giá, nhận định sai lệch các chứng cứ đã được thu thập. Vì vậy, căn cứ này không phù hợp để làm cơ sở hủy bản án để điều tra lại. Thay vào đó, các căn cứ hợp lý để hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhằm phục vụ điều tra lại bao gồm: “Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án” và “có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật”². Các vi phạm nghiêm trọng trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố, chẳng hạn như thu thập chứng cứ không hợp pháp, bức cung, dùng nhục hình, hoặc bỏ qua các chứng cứ quan trọng, có thể gây ảnh hưởng lớn đến tính khách quan và toàn diện của quá trình xét xử. Tương tự, việc áp dụng sai các quy định pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử dẫn đến hậu quả nghiêm trọng trong việc

giải quyết vụ án cũng đủ làm căn cứ để hủy bản án nhằm điều tra lại.

Thứ hai, phạm vi hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại có thể là một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định bị kháng nghị. Trường hợp hủy một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại thì cơ quan điều tra chỉ được điều tra lại trong phạm vi bản án, quyết định đã bị hủy³. Nhưng chiếu theo Điều 387 BLTTHS năm 2015: “*Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị*” thì Hội đồng giám đốc thẩm có thể hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại khi thấy có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án nằm ngoài nội dung bị kháng nghị. Tuy nhiên, theo nguyên tắc không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm, Hội đồng giám đốc thẩm không được hủy phần bản án, quyết định không bị kháng nghị để điều tra lại theo hướng làm xấu hơn tình trạng của người bị kết án nếu họ đã chấp hành xong hình phạt. Trường hợp xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo thì Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định tạm giam cho đến khi Viện kiểm sát hoặc Tòa án thụ lý lại vụ án⁴. Từ quy định này cho thấy, thực tế sẽ có trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật có nhiều đối tượng (người bị kết án) và nhiều hành vi phạm tội khác nhau, nhưng căn cứ hủy để điều tra lại không liên quan đến tất cả người bị kết án hoặc tất cả các hành vi phạm tội, trong khi các bị án đã được tổng hợp hình phạt và đang chấp hành án, thậm chí có bị án đã được giảm án, thì việc hủy bản án đã

¹ Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007, tr. 100.

² Phan Thị Thanh Mai, *tlđđ*, tr. 100.

³ Mai Thanh Hiếu, *So sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp về giám đốc thẩm*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021, tr. 184.

⁴ Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

có hiệu lực pháp luật để điều tra lại sẽ thực hiện theo cách thức nào? Vấn đề này hiện chưa có văn bản hướng dẫn thi hành và thực tế nếu có sẽ nảy sinh nhiều vướng mắc.

Thứ ba, việc Điều 391 không quy định thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để truy tố lại là chưa phù hợp. Bởi lẽ, thực tiễn xét xử cho thấy không chỉ phát hiện những vi phạm pháp luật nghiêm trọng ở giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử mà còn ở giai đoạn truy tố. Giai đoạn điều tra nhằm phục vụ cho việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, còn giai đoạn truy tố nhằm kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong giai đoạn điều tra, đồng thời giai đoạn này quyết định việc truy tố bị can. Cáo trạng hay quyết định truy tố bị can chính là cơ sở để Tòa án đưa vụ án ra xét xử và ban hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế có những trường hợp kháng nghị giám đốc thẩm là do vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong giai đoạn truy tố như truy tố sai thẩm quyền nhưng Tòa án không phát hiện ra, vẫn xét xử và ra bản án, quyết định⁵. Hơn nữa, từ thực tiễn hoạt động giám đốc thẩm cũng cho thấy những trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật định sai tội danh dẫn đến sai lầm nghiêm trọng về đường lối xử lý, bị kháng nghị, khi giám đốc thẩm có Hội đồng giám đốc thẩm tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra, xét xử lại, có Hội đồng lại tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để truy tố, xét xử lại⁶. Việc chứng cứ của vụ án đã đầy đủ, hợp pháp nhưng do nhận thức của các cơ quan tiền hành tố tụng

cấp dưới không đúng nên định sai tội danh dẫn đến sai lầm về đường lối xử lý mà phải hủy án để điều tra lại là không hợp lý, làm cho việc giải quyết bị kéo dài vì thời gian điều tra thường dài hơn thời gian truy tố. Nhưng, nếu chỉ hủy án để xét xử lại cũng không hợp lý vì nếu không truy tố lại mà xét xử lại sẽ dẫn đến vi phạm thủ tục tố tụng và đặc biệt nếu xét xử lại theo tội danh nặng hơn còn vi phạm về giới hạn của việc xét xử. Hơn nữa, tại khoản 2 Điều 371 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ để kháng nghị là: “*Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*”, nhưng Điều 391 BLTTHS năm 2015 lại chỉ quy định về quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại mà không quy định quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để truy tố lại là không thống nhất. Vì vậy, cần phải quy định thêm quyền hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để truy tố lại⁷.

Thứ tư, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không có điều luật nào quy định Tòa án cấp dưới phải xét xử theo yêu cầu của Hội đồng giám đốc thẩm, song trên thực tế, trong các quyết định giám đốc thẩm về việc hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại ở cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm thì thường kèm theo một hướng dẫn xét xử. Chẳng hạn, tại Quyết định giám đốc thẩm số 12/2024/HS-GĐT của Hội đồng giám đốc thẩm TAND tối cao, trong phần quyết định có nêu: “*Hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 717/2022/HS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc*

⁵ Nguyễn Trung Kiên, *Hoàn thiện quy định về thủ tục giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (16), 2019, tr. 48.

⁶ Nguyễn Văn Trọng, *Hoàn thiện thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (10), 2012, tr. 39.

⁷ Đinh Văn Quế, *Những trường hợp giám đốc thẩm hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Tạp chí Tòa án nhân dân (20), 2004, tr. 20.

*thẩm lại theo hướng xét xử các bị cáo Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 về tội Cố gắng đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999*⁸. Đến đây, có hai ý kiến trái ngược nhau: Một là, ủng hộ việc hướng dẫn của Hội đồng giám đốc thẩm để Tòa án cấp dưới khi xét xử lại tránh lặp lại sai sót như ban đầu; hai là, không ủng hộ việc này vì dẫn đến sự vi phạm tính độc lập xét xử của Thẩm phán khi Tòa án cấp dưới xét xử lại. Liên quan đến vấn đề này, pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản quy định việc xét xử lại thì “*khi xét xử lại, không được tuyên hình phạt nặng hơn hình phạt đã tuyên trong phán quyết ban đầu*”⁹ và “*trường hợp ra phán quyết vô tội trong phiên xét xử lại, phán quyết này phải được xuất bản trong Công báo và các tờ báo*”¹⁰. Có thể thấy, pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản quy định “*trần*” về việc xét xử lại, Tòa án xét xử lại không được tuyên hình phạt nặng hơn so với bản án ban đầu, việc này không vi phạm tính độc lập xét xử của Thẩm phán mà nhằm có lợi cho bị cáo. Đồng thời, khi xét xử lại, nếu có căn cứ bị cáo vô tội thì phải tuyên bị cáo vô tội và cải chính thông tin nhằm có lợi cho bị cáo. Chính vì vậy, BLTTHS năm 2015 cần bổ sung quy định về việc xét xử lại nhằm tránh để Tòa án cấp dưới lặp lại sai lầm tương tự trong bản án, quyết định bị hủy bởi Hội đồng giám đốc thẩm; mặt khác việc quy định trong BLTTHS sẽ có hiệu lực pháp lý

hơn và không vi phạm tính độc lập xét xử của Thẩm phán khi xét xử lại như BLTTHS của Nhật Bản đã quy định.

Thứ tư, Điều 391 BLTTHS năm 2015 quy định rằng nếu bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị hủy là của cấp sơ thẩm thì vụ án sẽ được xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, còn nếu bị hủy là của cấp phúc thẩm thì vụ án sẽ được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, điều luật này không đề cập đến việc quyết định giám đốc thẩm có thể bị giám đốc thẩm lại, mặc dù trong thực tế vẫn xảy ra những trường hợp quyết định giám đốc thẩm tiếp tục bị kháng nghị và xét lại. Một ví dụ điển hình là Quyết định giám đốc thẩm số 01/2018/HS-GĐT của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong vụ việc này, Hội đồng Thẩm phán đã hủy Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội với lý do việc miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đinh Văn Đ không phù hợp với quy định pháp luật. Sau đó, Hội đồng Thẩm phán quyết định giữ nguyên bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đối với phần trách nhiệm hình sự của bị cáo này. Tình huống này cho thấy, mặc dù BLTTHS năm 2015 không quy định rõ ràng về việc giám đốc thẩm lại một quyết định giám đốc thẩm, nhưng trong thực tiễn, việc kháng nghị và xem xét lại vẫn diễn ra khi phát hiện sai sót nghiêm trọng hoặc vi phạm pháp luật trong quyết định giám đốc thẩm. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những sửa đổi, bổ sung trong BLTTHS để quy định minh bạch, cụ thể hơn về khả năng giám đốc thẩm lại quyết định giám đốc thẩm, nhằm bảo đảm tính thống nhất và toàn diện của pháp luật cũng như quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan trong quá trình tố tụng.

Từ những phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi, bổ sung Điều 391 BLTTHS năm 2015 theo hướng sau:

⁸ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2024/HS-GĐT ngày 17/06/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

⁹ Điều 452 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3740>.

¹⁰ Điều 453 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản, bộ luật tố tụng hình sự nhật bản năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3740>.

“Hội đồng giám đốc thẩm hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc truy tố lại hoặc xét xử lại nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 371 của Bộ luật này. Nếu hủy để xét xử lại thì tùy từng trường hợp, Hội đồng giám đốc thẩm có thể quyết định xét xử lại từ cấp sơ thẩm hoặc cấp phúc thẩm. Nếu xét xử lại thì bản án, quyết định thay thế cho bản án, quyết định bị hủy không được tuyên hình phạt nặng hơn so với bản án, quyết định bị hủy; trường hợp ra bản án, quyết định tuyên bị cáo vô tội thì phải công khai bản án, quyết định này trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp quyết định giám đốc thẩm bị hủy do không đúng quy định của pháp luật thì sẽ được giám đốc thẩm lại.

Trường hợp xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo thì Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định tạm giam cho đến khi Viện kiểm sát hoặc Tòa án thụ lý lại vụ án”.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 chưa có quy định chi tiết về việc hủy bỏ một phần của bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Thay vào đó, luật chỉ đưa ra các quy định chung về việc hủy toàn bộ bản án hoặc quyết định. Điều này dẫn đến một khoảng trống pháp lý trong việc xử lý các tình huống mà chỉ một phần của bản án hoặc quyết định cần bị hủy bỏ, nhưng các phần còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể tham khảo Điều 624 BLTTHS Italia¹¹, trong đó quy định rất cụ thể và chi tiết:

(i) Hiệu lực của các phần không bị hủy bỏ: Điều luật xác định rõ ràng rằng nếu việc

hủy bỏ không áp dụng cho tất cả các điều khoản của bản án, những phần không có mối liên hệ thiết yếu với phần bị hủy vẫn giữ nguyên hiệu lực như một phán quyết cuối cùng. Quy định này giúp bảo đảm tính ổn định pháp lý cho các phần bản án không bị ảnh hưởng bởi quyết định hủy bỏ.

(ii) Tuyên bố các phần không thể thay đổi: Tòa án Giám đốc thẩm có trách nhiệm tuyên bố trong phán quyết những phần nào của bản án không bị hủy và trở thành không thể thay đổi. Nếu phán quyết không đề cập rõ điều này, Tòa án Giám đốc thẩm có thể ban hành một quyết định bổ sung để làm rõ, bằng cách ghi chú ở lề hoặc cuối bản án cũng như trên mọi bản sao sau này. Quyết định này có thể được đưa ra tự động hoặc theo yêu cầu của thẩm phán có thẩm quyền xét xử lại, công tố viên, hoặc các bên liên quan, mà không cần trải qua quy trình thủ tục phức tạp.

(iii) Quy trình ra quyết định trong phiên họp kín: Điều luật còn quy định rằng Tòa án Giám đốc thẩm sẽ ra quyết định trong các phiên họp kín mà không cần tuân theo các thủ tục phức tạp tại Điều 127. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý nhanh chóng và hiệu quả các trường hợp cần hủy bỏ một phần bản án.

Quy định tại Điều 624 BLTTHS Italia mang tính cụ thể và thực tiễn cao. Nó không chỉ phân định rõ ràng ranh giới giữa phần bị hủy và phần giữ nguyên hiệu lực mà còn đưa ra cơ chế bổ sung để giải quyết các thiếu sót trong phán quyết. Điều này vừa đảm bảo tính minh bạch pháp lý, vừa hạn chế tối đa sự bất ổn trong việc áp dụng pháp luật. Nếu áp dụng tư duy tương tự vào pháp luật Việt Nam, chúng ta có thể thu hẹp các khoảng trống pháp lý, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan trong các vụ án.

¹¹ Bộ luật tố tụng hình sự Italia năm 1988 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): <https://www.normattiva.it/atto/caricaDettaglioAtto?atto.dataPubblicazioneGazzetta=1988-10-24&atto.codiceRedazionale=088G0492&tipoDettaglio=multivigenza&qId=>, truy cập ngày 4/2/2025.

2. Vướng mắc về thẩm quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án

Thứ nhất, về căn cứ để hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án là: Bản án, quyết định đó bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng và có một trong các căn cứ được quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015. Theo đó, các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự bao gồm: (i) Không có sự việc phạm tội; (ii) Hành vi không cấu thành tội phạm; (iii) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; (iv) Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; (v) Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; (vi) Tội phạm đã được đại xá; (vii) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác; (viii) Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ luật Hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố¹².

Tuy nhiên, không phải tám căn cứ quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 đã nêu trên đều là căn cứ có tính khách quan. Bởi

lẽ, việc xác định căn cứ “không có sự việc phạm tội” và căn cứ “hành vi không cấu thành tội phạm” mang tính chủ quan, nó phụ thuộc vào quyết định của người tiến hành tố tụng, sự quyết định này thiên về nhận thức cá nhân. Chính vì vậy, trường hợp Viện kiểm sát cho rằng đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng Tòa án lại cho rằng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nếu ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa sẽ có quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung¹³. Tuy nhiên, nếu Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án không được đơn phương ra quyết định đình chỉ vụ án mà phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử¹⁴. Trên cơ sở diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nếu Hội đồng xét xử thấy không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì phải ra bản án tuyên bố bị cáo vô tội¹⁵. Trường hợp nếu bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội mà khi Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có sự việc phạm tội hay hành vi không cấu thành tội phạm thì sẽ hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án¹⁶. Như vậy, khi một người bị Viện kiểm sát buộc tội và truy tố ra tòa bằng bản cáo trạng, nếu không có tội thì Tòa án phải tuyên bố bị cáo không có tội bằng một bản án hoặc nếu bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố là có tội, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm thấy không có tội thì cũng phải ra bản án tuyên bố bị cáo vô tội.

Hơn nữa, những căn cứ này không phải lúc nào cũng tồn tại trước khi bản án, quyết

¹² Một điểm mới của BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003 là bổ sung căn cứ để đình chỉ vụ án, đó là quy định tại khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015: “Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ luật Hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố”. Theo đó, để thực hiện cam kết trong Hiệp định CPTPP mà Việt Nam đã phê chuẩn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2021 đã sửa đổi khoản 8 Điều 157 theo hướng bãi bỏ nội dung dẫn chiếu tới Điều 226 BLTTHS năm 2015 để bỏ căn cứ không khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 226 BLTTHS năm 2015 mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố, bảo đảm tính thống nhất với sửa đổi khoản 1 Điều 155.

¹³ Điểm a khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

¹⁴ Khoản 3 Điều 280 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

¹⁵ Khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

¹⁶ Khoản 1 Điều 359 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

định có hiệu lực pháp luật mà còn có thể đến giai đoạn giám đốc thẩm mới xuất hiện. Chẳng hạn, một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị do áp dụng sai quy định của pháp luật về phần hình phạt đối với Nguyễn Văn A về tội cố ý gây thương tích do tuyên hình phạt quá nhẹ, nhưng đến khi giám đốc thẩm thì Nguyễn Văn A là người phạm tội đã chết. Trong trường hợp này căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng Hội đồng giám đốc thẩm vẫn hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

Thứ hai, Điều 392 BLTTHS năm 2015 lại quy định nếu Hội đồng giám đốc thẩm thấy không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm theo khoản 1 và khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015 thì ra quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Việc Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định kết tội oan bị cáo đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án không tạo cơ sở đầy đủ để khắc phục được những sai lầm của Tòa án cấp dưới và khôi phục các quyền lợi hợp pháp của người bị buộc tội. Trong trường hợp này cần phải ra bản án tuyên bố bị cáo vô tội và ý nghĩa của một bản án tuyên vô tội sẽ khác rất nhiều so với quyết định hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án¹⁷. Hơn nữa, việc chỉ ra quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án chỉ làm chấm dứt tố tụng đối với vụ án bằng thủ tục đơn giản, mức độ công khai hạn hẹp, không khẳng định được sự vô tội của người bị kết án¹⁸.

Liên quan đến vấn đề này, theo pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ, sau khi Tòa phúc thẩm giải quyết kháng cáo hoặc kháng

nghị, nếu không hài lòng với kết quả, bị cáo có quyền gửi kiến nghị lên Tòa án tối cao bang hoặc Tòa án tối cao Hoa Kỳ để yêu cầu xét lại bản án. Quá trình này được gọi là giám đốc thẩm, trong đó Tòa án tối cao không tiến hành xem xét các tình tiết thực tế của vụ án, mà tập trung đánh giá các sự kiện được viện dẫn và kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định từ Tòa án cấp dưới¹⁹. Mục tiêu chính nhằm đảm bảo rằng phán quyết được đưa ra dựa trên cơ sở pháp lý đúng đắn và không vi phạm quy định của pháp luật. Trong thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án tối cao Hoa Kỳ có thể đưa ra một trong các phán quyết sau: (i) Từ chối kháng nghị giám đốc thẩm, giữ nguyên bản án phúc thẩm; (ii) Chấp nhận kháng nghị và ra quyết định tổ chức một phiên tòa mới; (iii) Tuyên trắng án và ra lệnh trả tự do cho bị cáo nếu có căn cứ xác định bị cáo vô tội; (iv) Cho phép bên buộc tội sử dụng các chứng cứ mà Tòa phúc thẩm đã loại bỏ trước đó²⁰. Ngoài ra, một trong những chức năng quan trọng của Tòa án tối cao là bãi bỏ các phán quyết của Tòa án cấp dưới nếu các phán quyết này vi phạm pháp luật, qua đó bảo đảm tính hợp pháp và công bằng của hệ thống tư pháp²¹. Như vậy, trong thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án tối cao Hoa Kỳ có thẩm quyền hủy bỏ phán quyết của Tòa án cấp dưới nếu phát hiện các sai phạm pháp lý. Đồng thời, trong trường hợp bị cáo được xác định vô tội, Tòa án tối cao có thể tuyên trắng án và ra lệnh trả tự do cho bị cáo. Quy trình này thể hiện rõ vai trò giám sát tối cao của Tòa án, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên, khắc phục sai sót tư pháp,

¹⁹ Trần Quang Tiệp, *Những vấn đề cơ bản trong luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 247.

²⁰ Trần Quang Tiệp, *sđđ*, tr. 249.

²¹ Nguyễn Anh Hùng, *Chức năng và tác động tương hỗ của Tòa án Tối cao Mỹ*, Tạp chí Nghề luật (05), 2016, tr. 82.

¹⁷ Phan Thị Thanh Mai, *tlđđ*, tr. 174.

¹⁸ Nguyễn Văn Trương, *tlđđ*, tr. 36.

và củng cố niềm tin của công chúng vào tính công bằng, minh bạch của hệ thống pháp luật. So với nhiều quốc gia khác, cơ chế giám đốc thẩm tại Hoa Kỳ cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa nguyên tắc pháp quyền và bảo vệ quyền con người, là một mô hình đáng để tham khảo và học hỏi.

Tương tự, trong thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản, quy định tại khoản 1 Điều 458 nhấn mạnh nguyên tắc xử lý các phán quyết vi phạm dựa trên căn cứ pháp lý vững chắc. Cụ thể, nếu kháng cáo ngoại lệ được chứng minh có cơ sở rõ ràng, Tòa án phải đưa ra phán quyết phù hợp với các tiêu chí sau: Trong trường hợp phán quyết ban đầu vi phạm luật hoặc mệnh lệnh pháp lý, phần vi phạm đó phải bị hủy bỏ; nếu phán quyết ban đầu gây bất lợi cho bị cáo, thì toàn bộ phán quyết đó phải bị hủy và thay thế bằng một phán quyết mới. Đặc biệt, khi kết quả xét xử lại dẫn đến phán quyết vô tội, phán quyết này phải được công khai thông qua Công báo và các phương tiện báo chí nhằm bảo vệ danh dự của bị cáo cũng như bảo đảm tính minh bạch của hệ thống tư pháp. Như vậy, trong trường hợp Tòa án cấp dưới tuyên bị cáo có tội, nhưng khi xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm phát hiện có “căn cứ vững chắc” chứng minh bị cáo vô tội, thì Tòa án cấp giám đốc thẩm có trách nhiệm hủy bỏ phán quyết ban đầu gây bất lợi cho bị cáo. Đồng thời, Tòa án phải ra phán quyết mới, trong đó có thể tuyên bị cáo vô tội. Cơ chế này không chỉ giúp khắc phục các sai sót trong quá trình xét xử của cấp dưới mà còn bảo đảm quyền được bảo vệ trước pháp luật của bị cáo, minh oan kịp thời và công khai cho những trường hợp bị kết án oan. Hơn nữa, việc yêu cầu công bố phán quyết vô tội trên các phương tiện thông tin đại chúng thể hiện sự nghiêm túc và công khai của hệ

thống tư pháp Nhật Bản, góp phần củng cố niềm tin của xã hội vào công lý và pháp quyền. So sánh với quy định tại Việt Nam, có thể thấy rằng sự cụ thể và rõ ràng trong cách xử lý các phán quyết sai lầm tại Nhật Bản là một điểm đáng học hỏi, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo sự công bằng và quyền lợi của các bên liên quan trong quá trình tố tụng.

Từ những lập luận trên, chúng tôi cho rằng cần phải sửa đổi, bổ sung Điều 392 BLTTHS 2015 theo hướng sau:

“Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này. Trường hợp này phải công khai quyết định tuyên bị cáo vô tội trên phương tiện thông tin đại chúng.

Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 157 của Bộ luật này”.

Kết luận

Thẩm quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng giám đốc thẩm là một cơ chế quan trọng trong hệ thống tư pháp Việt Nam, đảm bảo tính đúng đắn, công bằng và minh bạch của các phán quyết pháp lý. Hội đồng giám đốc thẩm, với thành phần là các thẩm phán có kinh nghiệm và uy tín, thực hiện nhiệm vụ xem xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi có căn cứ cho rằng các bản án, quyết định này có vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Thẩm quyền này không chỉ đảm bảo sự công bằng trong từng vụ việc cụ thể mà còn góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng công tác xét xử và bảo vệ công lý.